

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDDH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra đối với các ngành đã xây dựng và thống kê, biên soạn giáo trình;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 ban hành Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐT ngày 21/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc thông qua các văn bản, quy chế nội bộ của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo** của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, QLĐTĐH, QLĐTSDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Tuananh

Trương Tuấn Anh

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐDN ngày 27 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Điều dưỡng

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp

3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.

3.2. Thực hiện đúng các kỹ năng nghề nghiệp.

3.3. Thực hiện thuốc an toàn.

3.4. Chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.

3.5. Giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khoẻ hiệu quả.

3.6. Có khả năng quản lý và lãnh đạo.

3.7. Tham gia nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.

3.8. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân.

3.9. Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3.10. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.

4. Vị trí và nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Các cơ sở y tế.

4.2. Các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe.

4.3. Y tế cơ quan.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

5.1. Điều dưỡng chuyên khoa, chuyên khoa I.

5.2. Thạc sỹ, Tiến sỹ ngành Điều dưỡng và một số chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe và các chuyên ngành liên quan khác.

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

6.2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

6.3. Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam;

6.4. Thông tư liên tịch số 26/2015/TT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

7. Tiêu chí đánh giá

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.	<p>1.1 Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành để nhận định, đánh giá tình trạng sức khoẻ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.2. Đưa ra các chẩn đoán chăm sóc theo mức độ ưu tiên phù hợp với tình trạng sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.3. Thực hiện được các can thiệp điều dưỡng phù hợp với người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
2	Thực hiện đúng các kỹ năng nghề nghiệp.	<p>2.1. Thực hiện đúng các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu, kỹ thuật phục hồi chức năng đảm bảo sự an toàn, thoải mái và tôn trọng khi thực hành chăm sóc người bệnh.</p> <p>2.2. Thực hiện, kiểm tra, đánh giá và tham gia cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm họa.</p>
3	Thực hiện thuốc an toàn.	<p>3.1. Sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định.</p> <p>3.2. Theo dõi và quản lý việc sử dụng thuốc của người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định.</p>
4	Chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.	<p>4.1. Thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo đúng quy trình điều dưỡng, phù hợp với người bệnh.</p> <p>4.2. Tuân thủ các quy định liên quan tới kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.</p> <p>4.3. Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc (bao gồm sự phối hợp làm việc, chia sẻ thông tin, tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp) để phối hợp thực hiện chăm sóc phù hợp, an toàn, hiệu quả cho người bệnh và cộng đồng.</p>

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
5	Giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe hiệu quả.	<p>5.1. Sử dụng kỹ năng giao tiếp phù hợp để thiết lập, duy trì hiệu quả các mối quan hệ với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.</p> <p>5.2. Lập kế hoạch tổ chức buổi tư vấn và giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội, tín ngưỡng và trình độ của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>5.3. Thực hiện tư vấn hướng dẫn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình, cộng đồng đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, đúng phạm vi, chức trách, nhiệm vụ.</p>
6	Có khả năng quản lý và lãnh đạo.	<p>6.1. Vận dụng các kiến thức cơ bản về quản lý và lãnh đạo trong lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và kiểm tra các hoạt động chăm sóc và quản lý sức khỏe cộng đồng.</p> <p>6.2. Quản lý môi trường và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc.</p>
7	Tham gia nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.	<p>7.1. Thực hiện/Tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc điều dưỡng.</p> <p>7.2. Tìm kiếm được các bằng chứng và áp dụng vào công tác chăm sóc người bệnh và cộng đồng.</p>
8	Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân.	<p>8.1. Áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.</p> <p>8.2. Có tư duy đổi mới, sáng tạo, học tập suốt đời, phát triển năng lực cho bản thân.</p> <p>8.3. Tham gia vào tuyên truyền quảng bá về nghề Điều dưỡng.</p>
9	Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.	<p>9.1. Thể hiện sự hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>9.2. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức và đạo đức điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
10	Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.	<p>10.1. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>10.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.</p>



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Điều dưỡng

2. Trình độ đào tạo: Chuyên khoa cấp I

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp

3.1. Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc

3.2. Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp

3.3. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện thuốc an toàn hiệu quả.

3.4. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.

3.5. Tổ chức, thực hiện giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe hiệu quả.

3.6. Khả năng quản lý và lãnh đạo hiệu quả.

3.7. Thực hiện đào tạo, nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.

3.8. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân hiệu quả.

3.9. Vận dụng hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật về nghề nghiệp và đạo đức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3.10. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.

4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Các cơ sở y tế.

4.2. Các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe.

4.3. Y tế cơ quan.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tiến sỹ ngành Điều dưỡng và một số chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe và các chuyên ngành liên quan khác.

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

6.2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

6.3. Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam;

6.4. Thông tư liên tịch số 26/2015/TT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

7. Tiêu chí đánh giá



STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
1	Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.	<p>1.1 Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành để nhận định, phân tích, phản biện, tổng hợp về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.2. Đưa ra các chẩn đoán chăm sóc theo mức độ ưu tiên phù hợp với tình trạng sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.3. Thực hiện thành thạo các can thiệp điều dưỡng theo đúng chuyên ngành phù hợp với người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
2	Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp	<p>2.1. Áp dụng phù hợp, hiệu quả quy trình điều dưỡng vào chăm sóc chuyên sâu, chuyên ngành cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p> <p>2.2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu theo chuyên ngành, kỹ thuật phục hồi chức năng đảm bảo sự an toàn, thoải mái và tôn trọng khi thực hành chăm sóc người bệnh.</p> <p>2.3. Đưa ra chỉ định về chăm sóc, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và tham gia cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm họa.</p>
3	Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện thuốc an toàn hiệu quả.	<p>3.1. Sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả theo đúng các quy định.</p> <p>3.2. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định.</p>
4	Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.	<p>4.1. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo đúng quy trình điều dưỡng, phù hợp với người bệnh; tạo sự an tâm, hài lòng cho người bệnh.</p> <p>4.2. Tổ chức thực hiện các quy định liên quan tới kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.</p>



STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
		4.3. Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc (bao gồm sự phối hợp làm việc, chia sẻ thông tin, tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp) để đưa ra các quyết định chăm sóc và phối hợp thực hiện chăm sóc phù hợp, an toàn, hiệu quả cho người bệnh và cộng đồng.
5	Tổ chức, thực hiện giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe hiệu quả.	5.1. Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội, tín ngưỡng và trình độ của cá nhân, gia đình và cộng đồng. 5.2. Hỗ trợ, giám sát và chịu trách nhiệm chuyên môn đối với việc thực hiện nhiệm vụ của điều dưỡng cấp thấp hơn. 5.3. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp để thiết lập, duy trì hiệu quả các mối quan hệ với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp từ đó tư vấn hướng dẫn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình, cộng đồng đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, đúng phạm vi, chức trách, nhiệm vụ.
6	Khả năng quản lý và lãnh đạo hiệu quả.	6.1. Áp dụng các kiến thức về quản lý và lãnh đạo trong lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và kiểm tra các hoạt động chăm sóc. 6.2. Tổ chức, thực hiện, đánh giá và kiểm tra quản lý môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc.
7	Thực hiện đào tạo, nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.	7.1. Tổ chức đào tạo và thực hiện xây dựng chương trình, tài liệu, đào tạo, hướng dẫn cho người học và đồng nghiệp về kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực chăm sóc. 7.2. Tham gia thực hiện hoặc chủ trì nghiên cứu khoa học điều dưỡng, triển khai áp dụng sáng kiến, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng.



STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
		7.3. Phát hiện các tồn tại trong quá trình chăm sóc để đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc theo đúng chuyên ngành.
8	Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân hiệu quả	<p>8.1. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.</p> <p>8.1. Có tư duy đổi mới, sáng tạo, học tập suốt đời, phát triển năng lực cho bản thân.</p> <p>8.2. Tổ chức và tham gia vào tuyên truyền quảng bá về nghề Điều dưỡng.</p>
9	Vận dụng hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.	<p>9.1. Vận dụng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>9.2. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức và đạo đức điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
10	Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.	<p>10.1. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>10.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.</p>



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Quyết định số 115 /QĐ-ĐDN ngày 27 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Điều dưỡng

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp

3.1. Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.

3.2. Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp.

3.3. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện thuốc an toàn hiệu quả.

3.4. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.

3.5. Tổ chức, thực hiện giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe hiệu quả.

3.6. Khả năng quản lý và lãnh đạo hiệu quả.

3.7. Tổ chức, thực hiện đào tạo, nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.

3.8. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân hiệu quả.

3.9. Vận dụng hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3.10. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.

4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Các cơ sở y tế

4.2. Các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe

4.3. Y tế cơ quan.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tiến sĩ ngành Điều dưỡng và một số chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe và các chuyên ngành liên quan khác.

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

6.2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

6.3. Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam;

6.4. Thông tư liên tịch số 26/2015/TT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.



7. Tiêu chí đánh giá

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
1	Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.	<p>1.1 Áp dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành để nhận định, phân tích, phân biệt, tổng hợp về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.2. Đưa ra các chẩn đoán chăm sóc theo mức độ ưu tiên phù hợp với tình trạng sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>1.3. Thực hiện thành thạo các can thiệp điều dưỡng theo đúng chuyên ngành phù hợp với người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
2	Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp	<p>2.1. Áp dụng phù hợp, hiệu quả quy trình điều dưỡng vào chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p> <p>2.2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu, kỹ thuật phục hồi chức năng đảm bảo sự an toàn, thoải mái và tôn trọng khi thực hành chăm sóc người bệnh.</p> <p>2.3. Đưa ra chỉ định về chăm sóc, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và tham gia cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm họa.</p>
3	Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện thuốc an toàn hiệu quả	<p>3.1. Sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả theo đúng các quy định.</p> <p>3.2. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định.</p>
4	Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá chăm sóc an toàn, chất lượng, liên tục.	<p>4.1. Tổ chức quản lý và kiểm tra, đánh giá thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo đúng quy trình điều dưỡng phù hợp với người bệnh; tôn trọng các quyền của người bệnh, tính cá biệt và tâm sinh lý của từng cá thể; tạo sự an tâm, hài lòng cho người bệnh.</p>

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
		<p>4.2. Tổ chức thực hiện các quy định liên quan tới kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.</p> <p>4.3. Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc (bao gồm sự phối hợp làm việc, chia sẻ thông tin, tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp) để đưa ra các quyết định chăm sóc và phối hợp thực hiện chăm sóc phù hợp, an toàn, hiệu quả cho người bệnh và cộng đồng.</p>
5	Tổ chức, thực hiện giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe hiệu quả	<p>5.1. Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội, tín ngưỡng và trình độ của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>5.2. Hỗ trợ, giám sát và chịu trách nhiệm chuyên môn đối với việc thực hiện nhiệm vụ của điều dưỡng cấp thấp hơn.</p> <p>5.3. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp để thiết lập, duy trì hiệu quả các mối quan hệ với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp từ đó tư vấn, hướng dẫn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình, cộng đồng đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, đúng phạm vi, chức trách, nhiệm vụ.</p>
6	Khả năng quản lý và lãnh đạo hiệu quả	<p>6.1. Ứng dụng các kiến thức về quản lý và lãnh đạo trong lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và kiểm tra các hoạt động chăm sóc.</p> <p>6.2. Tổ chức, thực hiện, đánh giá và kiểm tra quản lý môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc.</p>
7	Tổ chức, thực hiện đào tạo, nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.	<p>7.1. Tổ chức đào tạo và thực hiện xây dựng chương trình, tài liệu, đào tạo, hướng dẫn cho người học và đồng nghiệp về kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực chăm sóc.</p> <p>7.2. Tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học điều dưỡng, áp dụng sáng kiến, cải tiến chất lượng dựa</p>

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí
		vào bằng chứng trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng.
8	Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân hiệu quả	<p>8.1. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.</p> <p>8.1. Có tư duy đổi mới, sáng tạo, học tập suốt đời, phát triển năng lực cho bản thân.</p> <p>8.2. Tổ chức và tham gia vào tuyên truyền quảng bá về nghề Điều dưỡng.</p>
9	Vận dụng hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.	<p>9.1. Vận dụng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.</p> <p>9.2. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức và đạo đức điều dưỡng trong chăm sóc sức khoẻ cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
10	Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn	<p>10.1. Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>10.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.</p>



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐDN ngày 27 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Điều dưỡng

2. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp:

3.1. Thể hiện được năng lực chuyên sâu trong thực hành chăm sóc.

3.2. Phát triển các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực điều dưỡng.

3.3. Thiết lập được mạng lưới đảm bảo chất lượng về chăm sóc trong nước và nước ngoài.

3.4. Thiết lập được hệ thống bằng chứng khoa học liên quan đến chăm sóc điều dưỡng để áp dụng vào thực hành chăm sóc người bệnh, gia đình và cộng đồng.

3.5. Có vai trò trong định hướng phát triển chiến lược nghề nghiệp điều dưỡng.

3.6. Xây dựng và đề xuất các chính sách về lĩnh vực chăm sóc.

4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Các cơ sở y tế.

4.2. Các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tham gia và thực hiện các dự án đào tạo sau Tiến sĩ điều dưỡng (postdoc).

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

6.2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

6.3. Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam;

6.4. Thông tư liên tịch số 26/2015/TT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

7. Tiêu chí đánh giá

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
1	Thể hiện được năng lực chuyên sâu trong thực hành chăm sóc.	1.1. Phân tích được các nhu cầu cần chăm sóc của người bệnh, gia đình và cộng đồng dựa trên các lý luận và mô hình chăm sóc. 1.2. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu dựa trên các bằng chứng khoa học.

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>1.3. Điều hành nhóm chăm sóc thực hiện chăm sóc người bệnh an toàn và hiệu quả.</p> <p>1.4. Xây dựng các giải pháp giải quyết các vấn đề tồn tại trong hệ thống chăm sóc nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc theo nhóm chuyên ngành.</p>
2	Phát triển các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực điều dưỡng	<p>2.1. Thực hiện được các dự án hoặc các nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực chuyên môn sâu.</p> <p>2.2. Thực hiện đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc luận văn về lĩnh vực chăm sóc.</p>
3	Thiết lập được mạng lưới đảm bảo chất lượng chăm sóc trong nước và nước ngoài	<p>3.1. Thể hiện được vai trò lãnh đạo trong việc cải thiện chất lượng chăm sóc.</p> <p>3.2. Tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc.</p> <p>3.3. Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín, tại các hội nghị trong và ngoài nước.</p> <p>3.4. Có khả năng phân tích và tổng hợp phân tích các dữ liệu thống kê thông qua sử dụng phần mềm thống kê y học trong nghiên cứu điều dưỡng.</p>
4	Thiết lập được hệ thống bằng chứng khoa học liên quan đến chăm sóc điều dưỡng để áp dụng vào thực hành chăm sóc người bệnh, gia đình và cộng đồng.	<p>4.1. Xác định và phân tích được các vấn đề trên thực tế thực hành chăm sóc chuyên sâu.</p> <p>4.2. Phân tích và tổng hợp được các bằng chứng khoa học trong nước, trong khu vực và trên thế giới.</p> <p>4.3. Công bố các bằng chứng khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước.</p>
5	Có vai trò trong định hướng phát triển chiến lược nghề nghiệp điều dưỡng	<p>5.1. Xây dựng chương trình đào tạo và tham gia hội đồng đánh giá các chương trình đào tạo điều dưỡng ở các trình độ.</p> <p>5.2. Tham gia biên soạn các giáo trình, tài liệu tham khảo và chuyên khoa trong các lĩnh vực đào tạo điều dưỡng.</p> <p>5.3. Tham gia đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực điều dưỡng.</p>
6	Xây dựng và đề xuất các chính sách về lĩnh vực chăm sóc	6.1. Vận dụng được hệ thống các nguyên tắc, phương pháp và phương pháp luận của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương đường lối của

STT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>Đảng, quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.</p> <p>6.2. Tư vấn, đề xuất và xây dựng các chính sách liên quan đến lĩnh vực chăm sóc cho các cơ quan quản lý cấp cao.</p>



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HỘ SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐDN ngày 17 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Hộ sinh

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp:

3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành để chăm sóc thích hợp cho phụ nữ, trẻ sơ sinh và gia đình.

3.2. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ, nam giới trước khi mang thai, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, để nâng cao sức khỏe gia đình, kế hoạch hóa gia đình và chuẩn bị làm mẹ.

3.3. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ thời kỳ mang thai để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất trong giai đoạn thai kỳ; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.

3.4. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc trong chuyển dạ, tôn trọng bản sắc văn hóa; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí được các tình huống cấp cứu đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.

3.5. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ sau đẻ toàn diện, phù hợp với văn hóa.

3.6. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện cho trẻ thời kỳ sơ sinh.

3.7. Thực hiện chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cá nhân, tôn trọng yếu tố văn hóa, tín ngưỡng liên quan đến phá thai cho những phụ nữ muốn kết thúc thai nghén hoặc những phụ nữ bị sảy thai, theo qui định của luật pháp, phạm vi hành nghề và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3.8. Tham gia nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.

3.9. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân.

3.10. Vận dụng được đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, sức khỏe sinh sản nói riêng.

3.11. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.

4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Các cơ sở y tế.

4.2. Các cơ sở đào tạo ngành hộ sinh.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

5.1. Điều dưỡng/Hộ sinh chuyên khoa I, chuyên khoa II.



5.2 Thạc sỹ, Tiến sỹ Hộ sinh và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe.

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam kèm theo Quyết định 342/QĐ-BYT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

6.2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Nội vụ;

6.3. Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 về Luật Khám chữa bệnh;

6.4. Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030;

6.5. Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn “Kỹ năng cơ bản của người đỡ đẻ”;

6.6. Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”;

6.7. Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

6.8. Chuẩn năng lực chung của hộ sinh quốc tế năm 2019 của ICM;

6.9. Chuẩn năng lực cốt lõi hộ sinh Singapore năm 2018;

7. Tiêu chí đánh giá

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
1	1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành để chăm sóc thích hợp cho phụ nữ, trẻ sơ sinh và gia đình.	<p>1.1. Thể hiện sự hiểu biết về đặc điểm cấu trúc, chức năng của cơ thể con người; nhất là hệ thống sinh sản ở trạng thái bình thường và bệnh lý. Giải thích được những thay đổi về giải phẫu, tâm sinh lý của người phụ nữ trong các độ tuổi, thời kỳ mang thai và sinh đẻ.</p> <p>1.2. Có kiến thức về các môn học chuyên ngành để đánh giá tình trạng sức khỏe của người phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh, lập kế hoạch chăm sóc và đưa ra các biện pháp xử lý chăm sóc thích hợp. Xử trí cấp cứu hàng loạt có tính thích ứng với tình trạng khẩn cấp tại cộng đồng.</p> <p>1.3. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người phụ nữ, đồng nghiệp và cộng</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>đồng trong khi thực hành nghề nghiệp. Phát hiện bạo lực giới và tư vấn hỗ trợ.</p> <p>1.4. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, hộ sinh; đảm bảo việc dùng thuốc cho thai phụ, sản phụ, trẻ sơ sinh an toàn, hiệu quả. Vận hành, sử dụng thành thạo và quản lý được các trang thiết bị y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh có hiệu quả.</p>
2	<p>Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người phụ nữ, nam giới trước khi mang thai, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, để nâng cao sức khỏe gia đình, kế hoạch hóa gia đình và chuẩn bị làm mẹ.</p>	<p>2.1. Khám và khai thác thành thạo bệnh sử, tiền sử về sức khỏe nói chung và sản phụ khoa nói riêng.</p> <p>2.2. Sử dụng các kỹ năng giáo dục sức khỏe và kỹ năng tư vấn phù hợp để tiến hành tư vấn cho phụ nữ và gia đình trước khi mang thai.</p> <p>2.3. Cung cấp và hướng dẫn khách hàng về tình dục an toàn, sử dụng các biện pháp tránh thai sẵn có tại địa phương theo quy định hướng dẫn quốc gia và phù hợp với văn hóa địa phương.</p>
3	<p>Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ thời kỳ mang thai để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất trong giai đoạn thai kỳ; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.</p>	<p>3.1. Khai thác bệnh sử, thăm khám và đánh giá toàn diện sức khỏe tinh thần, thể chất của thai phụ và thai nhi khi khám thai lần đầu và các lần khám thai tiếp theo. Phân tích được các thông tin qua quá trình đánh giá và xử trí phù hợp.</p> <p>3.2. Đánh giá được toàn diện tình trạng dinh dưỡng của thai phụ và tác động tới sự phát triển của thai nhi; tư vấn thích hợp cho thai phụ về dinh dưỡng trong thời kỳ mang thai.</p> <p>3.3. Đánh giá được quá trình mang thai bình thường hay bất thường. Phát hiện được những trường hợp thai bất thường, các trường hợp mang thai có nguy cơ, xử trí kịp thời, phù hợp.</p> <p>3.4. Thực hiện và tổ chức thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, gia đình và cộng đồng về quá trình phát triển bình thường của thai nhi; triệu chứng</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>và các dấu hiệu nguy hiểm của quá trình mang thai; thời điểm và cách thức liên lạc với nhân viên y tế hoặc cơ sở y tế nhanh nhất khi có dấu hiệu nguy hiểm.</p> <p>3.5. Lập và thực hiện thành thạo chăm sóc theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, thoải mái và hiệu quả cho thai phụ và thai nhi; đánh giá quá trình chăm sóc và xử trí phù hợp dựa trên các thông tin đó.</p>
4	<p>Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc trong chuyển dạ, tôn trọng bản sắc văn hóa; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí được các tình huống cấp cứu đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.</p>	<p>4.1. Khai thác thành thạo bệnh sử, chú ý những yếu tố đặc biệt và dấu hiệu sống của người mẹ trong chuyển dạ. Khám, xác định chuyển dạ và các giai đoạn của chuyển dạ, khám xác định kiểu thể và độ lọt của ngôi thai.</p> <p>4.2. Tạo được môi trường an toàn cho mẹ và trẻ sơ sinh, tăng cường gắn kết mẹ con. Phát hiện sớm những yếu tố nguy cơ. Xác định nhanh chóng những bất thường trong chuyển dạ để có những can thiệp thích hợp.</p> <p>4.3. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong đẻ. Thực hiện thành thạo bóc rau nhân tạo, kiểm soát tử cung đúng chỉ định, đúng kỹ thuật. Khâu vết rách hoặc cắt tầng sinh môn. Xác định chính xác tình trạng chảy máu và phát hiện các bất thường khác</p> <p>4.4. Phối hợp với bác sỹ những trường hợp đẻ khó. Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để lập kế hoạch chăm sóc hộ sinh và thực hiện các phác đồ cấp cứu theo chỉ định.</p>
5	<p>Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ sau đẻ toàn diện, phù hợp với văn hóa.</p>	<p>5.1. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật thăm khám, khai thác bệnh sử về thai kỳ, chuyển dạ và sinh đẻ.</p> <p>5.2. Đánh giá được sự co hồi tử cung và vết khâu tầng sinh môn. Phát hiện và xử trí ban đầu các bất thường sau đẻ (chảy máu, nhiễm khuẩn, ...)</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>5.3. Thực hiện và tổ chức thực hiện tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, đảm bảo cho trẻ bú mẹ ngay sau đẻ.</p> <p>5.4. Hướng dẫn được bà mẹ chăm sóc bản thân và chăm sóc con sau đẻ; những dấu hiệu và triệu chứng của những biến chứng.</p> <p>5.5. Lập, thực hiện thành thạo và đánh giá kế hoạch chăm sóc để cung cấp dịch vụ chăm sóc sau đẻ phù hợp về văn hoá cho phụ nữ, gia đình và cộng đồng.</p>
6	Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện cho trẻ thời kỳ sơ sinh.	<p>6.1. Đánh giá được tình trạng của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ, nhận định được những đặc điểm của trẻ sơ sinh khỏe mạnh. Thực hiện chăm sóc thành thạo trẻ sơ sinh ngay sau đẻ (bao gồm: lau khô, giữ ấm, bảo đảm đường thở được thông, cặp và cắt rốn).</p> <p>6.2. Xác định chính xác các chỉ số sinh học của trẻ sơ sinh. Thực hiện khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ.</p> <p>6.3. Đánh giá được những đặc điểm của trẻ non tháng, nhẹ cân và những chăm sóc đặc biệt cần cho trẻ. Chăm sóc thích hợp với từng trường hợp sinh non, nhẹ cân.</p> <p>6.4. Thực hiện, tổ chức tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ, gia đình những dấu hiệu nguy hiểm của trẻ sơ sinh và đưa trẻ đến cơ sở y tế gần nhất để kiểm tra. Thực hiện đúng chỉ định, đúng kỹ thuật trong các trường hợp cấp cứu: hồi sức sơ sinh, dị vật trong đường thở, hạ thân nhiệt, hạ đường huyết, ngừng tuần hoàn, chảy máu rốn, sặc sữa.</p>
7	Thực hiện chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cá nhân, tôn trọng yếu tố văn hóa, tín ngưỡng liên quan đến phá thai cho những phụ nữ muốn kết thúc thai	7.1. Đánh giá được tuổi thai. Giới thiệu cho người phụ nữ có dự định phá thai về các dịch vụ sẵn có cho người muốn giữ thai và dịch vụ cho người quyết định phá thai; các phương pháp phá thai và hỗ trợ để họ quyết định lựa chọn.

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
	<p>ngén hoặc những phụ nữ bị sẩy thai, theo qui định của luật pháp, phạm vi hành nghề và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.</p>	<p>7.2. Khai thác thành thạo tiền sử lâm sàng và yếu tố xã hội để xác định các chống chỉ định của phá thai bằng thuốc hoặc bằng bơm hút chân không.</p> <p>7.3. Thực hiện tư vấn cho phụ nữ (và các thành viên trong gia đình, khi thích hợp) về tình dục, các biện pháp tránh thai sau phá thai, phòng chống bạo lực giới.</p> <p>7.4. Theo dõi, đánh giá được sự co hồi tử cung sau phá thai, các biến chứng sau phá thai, xử trí hoặc chuyển tuyến thích hợp nếu có bất thường. Xác định được các tai biến của phá thai, có biện pháp xử lý kịp thời.</p> <p>7.5. Cung cấp thuốc theo chỉ định, sử dụng thuốc thích hợp cho phá thai an toàn bằng thuốc, theo đúng quy định.</p>
8	<p>Tham gia nghiên cứu và cải thiện chất lượng chăm sóc.</p>	<p>8.1. Thực hiện/tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản.</p> <p>8.2. Ứng dụng các bằng chứng khoa học trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.</p>
9	<p>Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân.</p>	<p>9.1. Áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm, ...) trong thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản.</p> <p>9.2. Có tư duy đổi mới, sáng tạo, học tập suốt đời, phát triển năng lực bản thân để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc.</p> <p>9.3. Tham gia tuyên truyền, quảng bá về nghề Hộ sinh. Góp phần trong việc xây dựng chính sách liên quan đến lĩnh vực hộ sinh.</p>
10	<p>Vận dụng được đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng</p>	<p>10.1. Thể hiện sự hiểu biết về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, sức khỏe sinh sản nói riêng.</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
	cao sức khỏe nhân dân nói chung, sức khỏe sinh sản nói riêng.	10.2. Hành nghề theo quy định của pháp luật, các qui định về y đức và đạo đức Hộ sinh trong chăm sóc, nâng cao sức khỏe sinh sản, bảo vệ nhân quyền cho người bệnh/khách hàng và đồng nghiệp.
11	Áp dụng được công nghệ thông tin và và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.	<p>11.1. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>11.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DINH DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 175 /QĐ-ĐDN ngày 27 tháng 0 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Dinh dưỡng

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp:

3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành để làm nền tảng cho công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm.

3.2. Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3.3. Thực hiện các kỹ thuật liên quan đến dinh dưỡng tiết chế phù hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế xã hội của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3.4. Thực hiện và tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá các hoạt động dinh dưỡng điều trị và tiết chế dinh dưỡng.

3.5. Xác định được nhu cầu và hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng liên quan tới dinh dưỡng, tiết chế.

3.6. Áp dụng các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn liên quan tới dinh dưỡng tiết chế để kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm.

3.7. Thực hiện nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để nâng cao chất lượng trong công tác dinh dưỡng.

3.8. Áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.

3.9. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân

3.10. Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật về nghề nghiệp và đạo đức vào thực hành chăm sóc người bệnh và cộng đồng.

3.11. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.



4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- 4.1. Các cơ sở y tế.
- 4.2. Các cơ sở đào tạo có liên quan tới dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.
- 4.3. Các cơ quan quản lý, giám sát về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.
- 4.4. Các cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm; Nhà ăn; bếp ăn tập thể,....

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Thạc sĩ, Tiến sĩ về Dinh dưỡng và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe.

6. Tài liệu tham khảo

6.1. Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/ 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

6.2. Thông tư số 18/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế Quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện.

7. Tiêu chí đánh giá

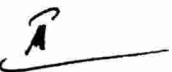
TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành để làm nền tảng cho công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm.	<p>1.1. Có kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành để giải thích được đặc điểm cấu tạo, chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.</p> <p>1.2. Khai thác, thu thập được thông tin của đối tượng phục vụ/khách hàng về tình trạng sức khỏe và các yếu tố có liên quan tới vấn đề dinh dưỡng để đưa ra các chẩn đoán dinh dưỡng từ đó đưa ra các chỉ định can thiệp phù hợp, hiệu quả (khẩu phần ăn, bổ sung dinh dưỡng, tư vấn....).</p> <p>1.3. Lập kế hoạch và thực hiện công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm để dự phòng và điều trị.</p>



TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		1.4. Thực hiện được một số kỹ thuật sơ, cấp cứu ban đầu tại cộng đồng.
2	Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	<p>2.1. Vận dụng được kiến thức về đặc điểm cấu tạo, chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý qua các thời kỳ phát triển để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của mỗi cá nhân.</p> <p>2.2. Xác định được nhu cầu về dinh dưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p>
3	Thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến dinh dưỡng tiết chế phù hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế xã hội của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	<p>3.1. Xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn cho các đối tượng người bệnh và người bình thường ở các lứa tuổi khác nhau phù hợp với văn hóa, điều kiện kinh tế của đối tượng.</p> <p>3.2. Áp dụng kiến thức về y học cổ truyền trong công tác dinh dưỡng, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.</p>
4	Thực hiện và tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá các hoạt động dinh dưỡng điều trị và tiết chế dinh dưỡng.	<p>4.1. Thực hiện và tổ chức thực hiện hoạt động dinh dưỡng điều trị và tiết chế dinh dưỡng.</p> <p>4.2. Theo dõi, đánh giá các hoạt động dinh dưỡng điều trị và tiết chế dinh dưỡng trong các bệnh dinh dưỡng và các bệnh có liên quan dinh dưỡng.</p> <p>4.3. Sử dụng và quản lý các dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe khách hàng liên quan đến dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.</p>
5	Xác định được nhu cầu và hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng liên quan tới dinh dưỡng, tiết chế	<p>5.1. Xác định được nhu cầu và nội dung cần hướng dẫn giáo dục sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p> <p>5.2. Xây dựng được kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		<p>5.3. Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng.</p> <p>5.4. Thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả.</p>
6	<p>Áp dụng được các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn liên quan tới dinh dưỡng tiết chế để kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm.</p>	<p>6.1. Nắm vững các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm.</p> <p>6.2. Thực hiện được các biện pháp kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm: kiểm tra quy trình bảo quản, chế biến, lưu mẫu, vận chuyển và phân phối thực phẩm, khẩu phần có chất lượng đúng chỉ định và đảm bảo an toàn.</p>
7	<p>Tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để nâng cao chất lượng trong công tác dinh dưỡng.</p>	<p>7.1. Tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực dinh dưỡng.</p> <p>7.2. Đề xuất được một số giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu để nâng cao chất lượng trong công tác dinh dưỡng.</p> <p>7.3. Tìm kiếm và sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng nâng cao chất lượng trong công tác dinh dưỡng.</p>
8	<p>Áp dụng được các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.</p>	<p>8.1. Xây dựng được các mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình, cộng đồng.</p> <p>8.2. Có khả năng ra quyết định và làm việc nhóm hiệu quả.</p>
9	<p>Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân</p>	<p>9.1. Xác định được mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.</p>

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
		9.2. Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng công việc.
10	Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật về nghề nghiệp và đạo đức vào thực hành chăm sóc người bệnh và cộng đồng.	<p>10.1. Thể hiện sự hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.</p> <p>10.2. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức trong chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.</p>
11	Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.	<p>11.1. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>11.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.</p>



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-ĐDN ngày 27 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

1. Tên ngành đào tạo: Y tế công cộng

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Các năng lực đạt được sau tốt nghiệp

3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành vào thực hành Y tế công cộng.

3.2. Áp dụng được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về y tế công cộng vào công việc cụ thể.

3.3. Xác định được các vấn đề sức khỏe, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, xây dựng kế hoạch, đề xuất chiến lược và các giải pháp giải quyết phù hợp cho cộng đồng.

3.4. Xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3.5. Áp dụng các nguyên lý và kỹ năng quản lý để quản lý sức khỏe cộng đồng.

3.6. Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.

3.7. Áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.

3.8. Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân.

3.9. Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật để hành nghề theo quy định của pháp luật và theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

3.10. Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.

4. Nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

4.1. Trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nhân lực y tế và các cơ sở y tế.

4.2. Các cơ quan, tổ chức động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:

5.1. Chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II các chuyên ngành y tế công cộng; ; Quản lý Y tế, Quản lý bệnh viện.

5.2. Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành: Y tế công cộng; Quản lý Y tế, Quản lý bệnh viện.

6. Tài liệu tham khảo



6.1. Bộ Y tế - Bộ Nội vụ (2015), Thông tư liên tịch số: 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

6.2. Bộ Y tế (2019), Quyết định số 2642/QĐ – BHYT ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản của Cử nhân Y tế công cộng;

6.3. Trường đại học Y Hà Nội (2016).: Chuẩn đầu ra cử nhân Y tế công cộng của Trường Đại học Y Hà Nội.

7. Tiêu chí đánh giá

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra
1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành vào thực hành Y tế công cộng.	1.1. Giải thích được các khái niệm và nội dung cốt lõi về khoa học cơ bản và y học cơ sở ngành, chuyên ngành liên quan đến Y tế công cộng. 1.2. Giải thích được những thay đổi và đáp ứng của cơ thể con người đối với sự tác động của môi trường.
2	Áp dụng được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về y tế công cộng vào công việc cụ thể.	2.1. Vận dụng được các khái niệm, nguyên lý y tế công cộng trong giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng. 2.2. Ứng dụng được các nguyên tắc tổ chức hệ thống y tế Việt Nam phù hợp với các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.
3	Xác định được các vấn đề sức khỏe, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, xây dựng kế hoạch, đề xuất chiến lược và các giải pháp giải quyết phù hợp cho cộng đồng.	3.1. Xác định được các bằng chứng khoa học về các yếu tố liên quan đến sức khỏe. 3.2. Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng. 3.3. Xác định được các vấn đề sức khỏe ưu tiên cần giải quyết của cộng đồng. 3.4. Đề xuất được các chiến lược và giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể của cộng đồng.

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra
4	Xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	<p>4.1. Ứng dụng được các thiết kế nghiên cứu khác nhau trong việc đánh giá và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng một cách hiệu quả nhất.</p> <p>4.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh để cung cấp bằng chứng khoa học nhằm giải quyết các vấn đề sức khỏe.</p> <p>4.3. Tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khác nhau nhằm cung cấp bằng chứng cho hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p> <p>4.4. Ứng dụng được các kiến thức dịch tễ, thống kê cơ bản trong phân tích và phiên giải kết quả nghiên cứu.</p>
5	Áp dụng các nguyên lý và kỹ năng quản lý để quản lý sức khỏe cộng đồng.	<p>5.1. Lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.</p> <p>5.2. Xác định được các bên liên quan có ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể.</p> <p>5.3. Phân tích được vai trò của các bên liên quan khi tham gia vào giải quyết các vấn đề sức khỏe cho cộng đồng cụ thể.</p>
6	Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.	<p>6.1. Áp dụng được các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng, gia đình và cá nhân.</p> <p>6.2. Lập và thực hiện được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho các đối tượng tại cộng đồng.</p> <p>6.3. Lập và thực hiện được kế hoạch đánh giá, giám sát các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe cho một đối tượng cụ thể tại cộng đồng.</p>
7	Áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc.	<p>7.1. Xây dựng được các mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, cá nhân, gia đình, cộng đồng.</p> <p>7.2. Có khả năng thiết lập, ra quyết định và làm việc nhóm hiệu quả.</p> <p>7.3. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm vào các hoạt động thực tế công việc của cá nhân và cơ quan.</p>
8	Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân	8.1. Xác định được mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu.

TT	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra
		<p>8.2. Xây dựng, quản lý và vận hành được kế hoạch cụ thể cho bản thân trong một khoảng thời gian nhất định.</p> <p>8.3. Xây dựng được kế hoạch học tập liên tục, cập nhật kiến thức, kỹ năng và vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để nâng cao chất lượng công việc.</p> <p>8.4. Liên tục cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt cho bản thân, tích cực xây dựng và phát triển ngành.</p>
9	<p>Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật để hành nghề theo quy định của pháp luật và theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.</p>	<p>9.1. Thể hiện sự hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>9.2. Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>9.3. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Cầu thị, khiêm tốn, tôn trọng và hợp tác chân thành với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.</p>
10	<p>Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn</p>	<p>10.1. Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>10.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.</p>

